|  |
| --- |
| **BỘ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ**  **ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH THUẬN** |

**PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (2023)**

[*Mẫu B*]

**GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KHẢO SÁT DDCI NINH THUẬN 2023**

Chương trình DDCI Ninh Thuận 2023 trưng cầu và tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp về chất lượng điều hành của các cơ quan hành chính các cấp. Chương trình khảo sát do nhóm chuyên gia nghiên cứu độc lập Indochina Survey triển khai trên quy mô toàn tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Ninh Thuận và các Sở, ban, ngành cùng với UBND các địa phương.

UBND tỉnh Ninh Thuận, cơ quan chính quyền các cấp chân thành tiếp thu ý kiến đánh giá của doanh nghiệp, trao quyền cho cộng đồng doanh nghiệp tỉnh chủ động xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh, đề nghị chính quyền các cấp lắng nghe, đồng hành và chủ động hỗ trợ với cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả khảo sát, tổng hợp các ý kiến đánh giá là cơ sở tin cậy giúp tỉnh Ninh Thuận và chính quyền các cấp nhìn nhận được những lợi thế, thách thức cũng như lộ trình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh một cách bền vững. Thông tin trong phiếu khảo sát này sẽ được sử dụng vào mục đích duy nhất phục vụ công tác nghiên cứu, lập kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh. Chúng tôi cam kết bảo mật tất cả các thông tin danh định mà doanh nghiệp cung cấp.

|  |
| --- |
| **[Hướng dẫn điền phiếu]** Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ **doanh nghiệp** (DN) bao gồm các loại hình công ty, hợp tác xã (HTX) và hộ kinh doanh cá thể (HKD). Phiếu khảo sát này dành cho doanh nghiệp đánh giá khối Địa phương với 11 phần bao gồm 60 câu hỏi. Với những ô trống, vui lòng đánh dấu **✓** vào những phương án lựa chọn. Nhóm nghiên cứu khuyến nghị lãnh đạo doanh nghiệp nghiên cứu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến các Sở, ban, ngành mà doanh nghiệp có làm việc/tương tác hoặc các đơn vị mà doanh nghiệp có quan tâm.  **[Hướng dẫn gửi phiếu]** Đề nghị Quý doanh nghiệp gửi lại phiếu đã trả lời vào phong bì kín được gửi kèm trong phong bì thư có in sẵn địa chỉ hòm thư bảo mật tại Hà Nội ***hoàn toàn miễn phí****.* Địa chỉ nơi nhận phiếu khảo sát:**114089 Trung tâm dịch vụ Hai Bà Trưng, số 811 Giải Phóng, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.**  Bản mềm phiếu khảo sát cũng được gửi vào email của doanh nghiệp, quý vị có thể điền phiếu và gửi trực tiếp vào email của tổ công tác theo địa chỉ: [***ddcininhthuan2023@gmail.com***](mailto:ddcininhthuan2023@gmail.com)  Các thông tin về chương trình DDCI Ninh Thuận có thể được tìm hiểu tại trang [***http://www.ddci.vn***](http://www.ddci.vn)  Trung tâm hỗ trợ giải đáp thông tin DDCI   * + Đường dây nóng: (024).6258.5860 – 0961.375.988   + Fanpage: DDCI VIỆT NAM   + Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận: [***http://ninhthuan.gov.vn***](http://ninhthuan.gov.vn) |

**NỘI DUNG KHẢO SÁT**

**LỰA CHỌN ĐỊA PHƯƠNG ĐÁNH GIÁ**

*(Doanh nghiệp chỉ lựa chọn một trong số thành phố/huyện dưới đây - là nơi doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh chủ đạo)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🞎 Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm | 🞎 Huyện Bác Ái | 🞎 Huyện Ninh Hải |
| 🞎 Huyện Ninh Phước | 🞎 Huyện Ninh Sơn | 🞎 Huyện Thuận Bắc |
| 🞎 Huyện Thuận Nam |  |  |

**I – TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**1. Doanh nghiệp đánh giá truy cập vào trang web/trang thông tin điện tử *(website có tên miền kết thúc bằng đuôi gov.vn)* và các trang thông tin khác của địa phương:**

**a. Doanh nghiệp đã từng truy cập vào website/trang thông tin điện tử của địa phương chưa?**

***Đã từng truy cập*** ***Chưa từng truy cập*** *(Đánh giá tiếp ý b sau đó chuyển sang câu 3)*

**b. Doanh nghiệp vui lòng cho biết đã từng truy cập vào các trang thông tin khác của địa phương *(website quảng bá du lịch, fanpages, v.v…)* chưa?**

***Đã từng truy cập*** ***Chưa từng truy cập***

**2. Nếu đã truy cập vào trang thông tin điện tử của địa phương, vui lòng cho biết ý kiến với những nhận định dưới đây:** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Dễ dàng tìm được thông tin trên website |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật mới |  |  |  |  |
| 1. Bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của huyện, với các thông tin về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng được công khai minh bạch |  |  |  |  |
| 1. Có thể tải tài liệu/quy hoạch/kế hoạch của địa phương từ website một cách thuận tiện |  |  |  |  |
| 1. Website cung cấp cơ sở dữ liệu về thị trường, danh sách doanh nghiệp, dự án của địa phương |  |  |  |  |
| 1. Các kết quả xử lý, trả lời ý kiến, khiếu nại của DN được công khai đầy đủ trên website |  |  |  |  |
| 1. DN tiết kiệm thời gian và nguồn lực cho TTHC nhờ tìm hiểu trước thông tin trên websites của Địa phương |  |  |  |  |

**3. Doanh nghiệp đánh giá như thế nào về chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan tại địa phương?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không đầy đủ, rõ ràng, thiếu công khai | Chỉ có một số thông tin rõ ràng, công khai | Bình thường | Tương đối đầy đủ, rõ ràng, công khai | Rất đầy đủ, rõ ràng, công khai |

**4. Từ tháng 06/2022 đến nay, doanh nghiệp đã từng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) thông qua cổng dịch vụ công trực của huyện/thị xã/thành phố chưa?**

***Đã từng thực hiện*** ***Chưa từng thực hiện*** *(Nếu chưa từng chuyển tới câu 6)*

**5. Liên quan đến thủ tục hành chính của DN thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến của huyện/thị xã/thành phố, vui lòng cho biết ý kiến về những nhận định sau:** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | | **Không đồng ý** |
| 1. DN dễ dàng tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ trực tuyến |  |  |  |  | |
| 1. Thời gian giải quyết TTHC trực tuyến nhanh và thuận lợi hơn so với hình thức truyền thống |  |  |  |  | |
| 1. Thời gian giải quyết TTHC trực tuyến nhanh hơn so với năm 2022 |  |  |  |  | |
| 1. Việc thực hiện TTHC trực tuyến giúp DN giảm bớt chi phí hơn so với phương thức truyền thống |  |  |  |  | |
| 1. Thanh toán trực tuyến phí, lệ phí hồ sơ và đăng ký nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua bưu điện dễ dàng |  |  |  |  | |

**6. Từ tháng 06/2022 đến nay, doanh nghiệp đã từng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) tại Bộ phận một cửa của huyện/thị xã/thành phố chưa?**

***Đã từng thực hiện*** ***Chưa từng thực hiện*** *(Nếu chưa thực hiện chuyển tới câu 9)*

**7. Liên quan đến thủ tục hành chính của Doanh nghiệp tại Bộ phận một cửa - huyện/thị xã/thành phố, vui lòng cho biết ý kiến về những nhận định sau:** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | | **Không đồng ý** |
| 1. Thủ tục được niêm yết công khai tại bảng thông tin |  |  |  |  | |
| 2. Quy trình và thủ tục dễ hiểu, dễ thực hiện |  |  |  |  | |
| 3. Phí và lệ phí thu đúng, đủ theo niêm yết công khai |  |  |  |  | |
| 4. Cán bộ làm việc và xử lý công vụ chuyên nghiệp |  |  |  |  | |
| 5. Còn hiện tượng cán bộ gây khó khăn/trì hoãn thủ tục |  |  |  |  | |
| 6. Còn hiện tượng cán bộ không nắm vững văn bản, quy định pháp luật |  |  |  |  | |
| 7. Cán bộ chủ động hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc |  |  |  |  | |

**8. Khi làm TTHC theo phương thức truyền thống** (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)**, DN vui lòng đánh giá chung về thời gian thực hiện TTHC tại địa phương:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chậm hơn quy định của pháp luật | Đúng theo quy định pháp luật | Nhanh hơn quy định của pháp luật |

**9. Phần lớn, doanh nghiệp phải đi lại bao nhiêu lần để giải quyết TTHC?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1-2 lần | 3-5 lần | Trên 5 lần |

**10 . Doanh nghiệp cho biết ý kiến về các nhận định sau:** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC |  |  |  |  |
| 1. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp dễ tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của địa phương |  |  |  |  |
| 1. DN biết rõ địa chỉ và kênh khiếu nại lên cấp trên trong trường hợp không được tiếp cận thông tin công khai, công bằng minh bạch |  |  |  |  |
| 1. DN nhỏ và vừa được đối xử và tiếp cận công bằng với các khối doanh nghiệp khác về thông tin, tài liệu quy hoạch đất đai |  |  |  |  |
| 1. DN có thể tự tìm kiếm các thông tin về quy hoạch đất đai, đầu tư tại địa phương trên các nguồn thông tin đại chúng |  |  |  |  |

**II – TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ TÍNH ỔN ĐỊNH TRONG SỬ DỤNG ĐẤT**

**11. Mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp đang sử dụng thuộc loại nào dưới đây***? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)*

|  |  |
| --- | --- |
| Là tài sản của cá nhân hoặc gia đình | Nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất |
| Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất | Nhà nước cho thuê dài hạn trả tiền một lần |
| Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm | Doanh nghiệp thuê lại của cá nhân, tổ chức khác |
| Nhà nước cho thuê, không thu tiền sử dụng đất | Loại khác, vui lòng nêu cụ thể:……….. |

**12. Diện tích mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp đang sử dụng có đáp ứng được nhu cầu cho hoạt động SXKD?** *(Chỉ chọn một phương án trả lời)*

Đáp ứng đầy đủ  Đáp ứng được trên 50% nhu cầu

Đáp ứng dưới 50% nhu cầu  Thiếu hụt nghiêm trọng

**13. Doanh nghiệp của bạn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) không?**

Có  Không

**14. Nếu không có GCNQSDĐ, vui lòng cho biết lý do chính** *(chọn một phương án trả lời)*

Không có nhu cầu  Có nhu cầu, nhưng thuế và phí quá cao

Có nhu cầu, nhưng thủ tục rườm rà  Có nhu cầu, nhưng lo ngại cán bộ nhũng nhiễu

Đất đang có tranh chấp  Lý do khác, (*cụ thể*): ...................................................

**15. Hãy đánh giá về mức độ rủi ro khi sử dụng đất của doanh nghiệp** *(như rủi ro bị chính quyền thu hồi cho mục đích sử dụng khác, thay đổi quy hoạch, v.v.)*

Rất thấp  Thấp  Cao  Rất cao

**16. Trên cơ sở đánh giá về các trường hợp khác tại địa phương, bạn có tin rằng doanh nghiệp/cá nhân bạn sẽ được bồi thường thỏa đáng cho mặt bằng kinh doanh nếu bị thu hồi không?** *(Chỉ chọn một phương án trả lời)*

Bồi thường thỏa đáng

Mức tạm chấp nhận được

Mức bồi thường thấp hơn chi phí doanh nghiệp bỏ ra để đầu tư mặt bằng sản xuất kinh doanh mới

Mức bồi thường quá thấp, không chấp nhận được

**17. Theo quan sát của Doanh nghiệp hoặc nếu đã từng thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai ( như mua, chuyển nhượng, thuê đất từ Nhà nước,…), vui lòng đánh giá các nhận định sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thông tin, dữ liệu về đất đai tại Địa phương |  |  |  |  |
| 2. Sự thay đổi khung giá đất của địa phương phù hợp với sự thay đổi của giá thị trường |  |  |  |  |
| 3. Giá thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh tăng nhanh trong năm 2023 |  |  |  |  |
| 4. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh |  |  |  |  |
| 5. Doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại các cơ quan Nhà nước của địa phương |  |  |  |  |
| 6. Cán bộ gây khó khăn, nhũng nhiễu cho doanh nghiệp khi tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai |  |  |  |  |
| 7. Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định |  |  |  |  |
| 8. Khi có tranh chấp, khiếu nại về đất đai, chính quyền địa phương quan tâm, xử lý, giải quyết cho DN đúng theo quy định của pháp luật |  |  |  |  |
| 9. Có hiện tượng doanh nghiệp bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng |  |  |  |  |
| 10. Chính quyền công khai, minh bạch lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương |  |  |  |  |
| 11. DN được cơ quan địa phương hướng dẫn có hiệu quả quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật |  |  |  |  |
| 12. Công tác phối hợp giữa Phòng TN&MT và Văn phòng Đăng ký đất đai tại địa phương nhanh chóng, hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp |  |  |  |  |

**III – CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC VÀ CHI PHÍ THỜI GIAN**

**18. Theo Doanh nghiệp, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại địa phương có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?**

|  |  |
| --- | --- |
| Tăng lên nhiều và trở nên phổ biến hơn  Có xu thế tăng lên nhẹ  Giữ nguyên mức chi trả chi phí này | Giảm nhẹ  Giảm đáng kể và trở nên ít phổ biến hơn hoặc hoàn toàn không có chi phí không chính thức |

**19. Hàng năm Doanh nghiệp phải chi trả “khoảng” bao nhiêu phần trăm trên tổng số lợi nhuận cho các “chi phí không chính thức” đối với cán bộ chính quyền địa phương?** (C*hỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không phải chi trả | Dưới 3% lợi nhuận | Từ 5% - dưới 10% lợi nhuận |
| Không đáng kể | Từ 3% - dưới 5% lợi nhuận | Từ 10% - dưới 20% lợi nhuận |

**20. Theo quan sát các trường hợp khác tại địa phương và kinh nghiệm của mình, Doanh nghiệp hãy đánh giá về mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các cơ sở SXKDthực hiện TTHC về các lĩnh vực sau ở huyện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các lĩnh vực quản lý** | Rất phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm | Tương đối phổ biến | Có nhưng không tạo gánh nặng lớn cho cơ sở SXKD | Gần như không có nhưng vẫn còn một vài trường hợp | Hoàn toàn không có chi phí không chính thức |
| 1. Đăng kí kinh doanh |  |  |  |  |  |
| 2. Đất đai, địa chính |  |  |  |  |  |
| 3. Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 4. Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại) |  |  |  |  |  |
| 5. Nông nghiệp |  |  |  |  |  |
| 6. Tài nguyên, môi trường |  |  |  |  |  |
| 7. Văn hóa - thể thao - du lịch |  |  |  |  |  |

**21. Sau khi chi trả CPKCT, công việc của DN có được giải quyết đúng như mong muốn không?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không bao giờ** | **Hiếm khi** | **Thỉnh thoảng** | **Hầu hết trường hợp** | **Luôn luôn** |

**22. Doanh nghiệp cho biết ý kiến về hoạt động thanh, kiểm tra của chính quyền địa phương (UBND)?** *(Thanh, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra đột xuất)*

**a) Trong năm 2023, số lần các đoàn công tác của chính quyền địa phương (UBND) tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là: ……………………**(lần)

*(Nếu doanh nghiệp không bị thanh kiểm tra, điền số 0 và chuyển qua trả lời từ Câu 24)*

**b) Thời gian trung bình của 01 đợt thanh, kiểm tra:** (ngày làm việc)

**c) Nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra có bị trùng lặp không?**

Có   Không

**d) Từ danh sách dưới đây, vui lòng chọn những lĩnh vực doanh nghiệp đã bị thanh tra, kiểm tra từ tháng 06/2022 đến nay:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| An toàn phòng chống cháy nổ | Thanh tra lao động | An toàn thực phẩm |
| Thanh tra giao thông vận tải | Quản lý thị trường | Xây dựng |
| Công an kinh tế | Thanh tra môi trường | Kế hoạch và đầu tư |
| Hải quan | Cảnh sát môi trường | Kiểm toán |
| Bảo hiểm xã hội | Thuế | Khác (nêu cụ thể): ………………… |
| Điện lực |  |  |

**23. Doanh nghiệp đánh giá các nhận định liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra trong năm 2023 như sau?** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** | |
| 1. Hoạt động thanh, kiểm tra trong năm 2023 được địa phương phối hợp và thông báo minh bạch hơn tới doanh nghiệp |  |  |  | |  |
| 1. Các loại chi phí chính thức phát sinh từ các hoạt động thanh, kiểm tra giảm so với năm 2022 |  |  |  | |  |
| 1. Các loại chi phí không chính thức phát sinh từ các hoạt động thanh, kiểm tra giảm so với năm 2022 |  |  |  | |  |
| 1. Thỏa thuận về các khoản phải nộp với cán bộ thanh tra là thực tế tồn tại trong kinh doanh ở địa phương |  |  |  | |  |

**24. Doanh nghiệp cho biết đánh giá về các nhận định sau?** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến tại địa phương |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp quan niệm chi phí không chính thức là một phần của thực tế kinh doanh |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi |  |  |  |  |
| 1. Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp coi chi phí không chính thức là khoản tiền bồi dưỡng cho những nỗ lực làm thêm, làm ngoài giờ hành chính của cán bộ nhà nước |  |  |  |  |
| 1. Các khoản phí, lệ phí được giảm bớt so với cùng kỳ năm 2022 |  |  |  |  |
| 1. Thủ tục, giấy tờ giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2022 |  |  |  |  |
| 1. Hiện tượng gây khó khăn cho doanh nghiệp giảm bớt so với cùng kỳ năm 2022 |  |  |  |  |
| 1. Chi phí không chính thức giảm bớt so với cùng kỳ năm 2022 |  |  |  |  |

**IV – CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG**

*Câu 25, 26 trưng cầu ý kiến DN về việc chính quyền địa phương kiểm soát duy trì đối xử bình đẳng giữa các khối, nhóm đơn vị DN như thế nào, và hệ lụy, mức độ khó khăn do những ưu ái (nếu có) gây ra.*

**25. Theo quan sát của Doanh nghiệp, có hiện tượng các doanh nghiệp lớn như: Tổng công ty, Tập đoàn lớn, Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp FDI… đang hoạt động trên địa bàn được ưu ái hơn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh không?**

|  |  |
| --- | --- |
| Có | Không *(Vui lòng chuyển tới Câu 26)* |

**a) Nếu Doanh nghiệp chọn ‘‘Có’’, vui lòng cho biết sự ưu ái đó được thể hiện trong các khía cạnh nào?** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Doanh nghiệp lớn, nhà nước, FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận thông tin quy hoạch, đầu tư, chính sách ưu đãi… của địa phương |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp lớn, nhà nước, FDI nhận được các đối xử ưu đãi hơn so với doanh nghiệp tư nhân (ví dụ: ưu đãi về vốn vay, lãi suất và thời gian vay, chi phí thuê mặt bằng kinh doanh, …) |  |  |  |  |
| 1. Địa phương giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp lớn, nhà nước, FDI nhanh chóng, đơn giản hơn |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp lớn, nhà nước, FDI được ưu tiên trong giải quyết tranh chấp, xung đột với các bên liên quan |  |  |  |  |

**b) Sự ưu ái đó có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp không?** *(Chỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Rất khó khăn |  | Khó khăn |  | Có nhưng không ảnh hưởng nhiều |  | Không ảnh hưởng tới doanh nghiệp |

**26. Doanh nghiệp có cho rằng:**

**a) “Hợp đồng đầu tư, mua sắm của địa phương, đất đai và các nguồn lực kinh doanh khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền”?**

Đồng ý  Phần nào đồng ý  Phần nào không đồng ý  Không đồng ý

**b) Doanh nghiệp mới thành lập tại địa phương có đầy đủ cơ hội được liên danh, liên kết với các doanh nghiệp lớn trong tỉnh thực hiện các hợp đồng tại địa phương**

Đồng ý  Phần nào đồng ý  Phần nào không đồng ý  Không đồng ý

**c) Các cơ sở sản xuất kinh doanh do nữ làm chủ/điều hành được đối xử bình đẳng và nhận được hỗ trợ kỹ thuật, tài chính trong giai đoạn khởi nghiệp, gặp khó khăn?**

Đồng ý  Phần nào đồng ý  Phần nào không đồng ý  Không đồng ý

**V – CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

*Câu 27 trưng cầu ý kiến DN đánh giá chất lượng đào tạo lao động và khả năng cung ứng lao động của địa phương cho nhu cầu nhân sự và lao động của doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.*

**27. Doanh nghiệp hãy cho biết ý kiến với những nhận định dưới đây?** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Lao động tại địa phương đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp |  |  |  |  |
| 1. Lao động tại địa phương có đủ tiềm năng đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp |  |  |  |  |
| 1. Các điều kiện sinh hoạt, giáo dục và y tế thuận lợi cho lao động và gia đình lao động của doanh nghiệp sinh sống và làm việc tại địa phương |  |  |  |  |
| 1. Địa phương có các trung tâm đào tạo lao động kỹ năng cơ bản |  |  |  |  |
| 1. Địa phương có các trung tâm đào tạo lao động kỹ năng nâng cao và/hoặc liên kết, tiếp cận thuận lợi đến các trung tâm đào tạo lao động kỹ năng cao của tỉnh/khu vực |  |  |  |  |

**VI – DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP**

*Câu 28 đến câu 33 trưng cầu ý kiến DN đánh giá mức độ lan tỏa và tác động từ dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của địa phương thông qua đo lường mức độ tham gia và chất lượng của các buổi tham vấn, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, cũng như pháp lý và hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó và vượt qua khủng hoảng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Được mời/thông báo và tham gia |  | Có được mời/thông báo nhưng không tham gia |  | Không được mời/thông báo |
|  |  | 🡺 | *(Vui lòng chuyển đến Câu 30)* | 🡺 | *(Vui lòng chuyển đến Câu 30)* |

**28. Trong năm 2023, Doanh nghiệp có được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách…) do địa phương tổ chức không?**

**29. Nếu Doanh nghiệp đã từng tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do chính quyền địa phương tổ chức, xin vui lòng cho biết ý kiến về các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thực chất | Phần nào thực chất | Phần nào mang tính hình thức | Chỉ mang tính hình thức |

**­30. Trong năm 2023, Doanh nghiệp có được mời/thông báo tham gia các buổi đối thoại với doanh nghiệp do chính quyền địa phương tổ chức không?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Được mời/thông báo và tham gia |  | Có được mời/thông báo nhưng không tham gia |  | Không được mời/thông báo |
|  |  | 🡺 | *(Vui lòng chuyển đến Câu 32)* | *🡺* | *(Vui lòng chuyển đến Câu 32)* |

**31. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với các nhận định về các buổi đối thoại doanh nghiệp do chính quyền địa phương tổ chức:** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả |  |  |  |  |
| 1. Đối thoại chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn |  |  |  |  |
| 1. Vấn đề, quan ngại của doanh nghiệp được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại |  |  |  |  |
| 1. Địa phương có kế hoạch cụ thể, tiếp thu và thay đổi sau đối thoại |  |  |  |  |
| 1. Hoạt động quản lý hành chính nói chung có cải thiện sau đối thoại |  |  |  |  |
| 1. Thái độ công vụ của cán bộ được cải thiện theo chiều hướng đúng mực, tích cực, kịp thời sau đối thoại |  |  |  |  |
| 7. Kết quả giải quyết kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp có được công khai rộng rãi cho cộng đồng doanh nghiệp sau đối thoại |  |  |  |  |

**32. Từ tháng 06/2022 đến nay, chính quyền địa phương chủ động tháo gỡ, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc giao thương, đi lại đặc biệt trong các giai đoạn giãn cách xã hội cục bộ?**

Đồng ý  Phần nào đồng ý  Phần nào không đồng ý  Không đồng ý

**33. Trong năm 2023, Doanh nghiệp đã nhận được các dịch vụ hỗ trợ nào dưới đây từ phía chính quyền ĐP?** *(Có thể chọn NHIỀU phương án)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a. Mời tham gia các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật | b. Mời tham gia các buổi đối thoại doanh nghiệp | c. Tư vấn tiếp cận thông tin các văn bản pháp luật |
| d. Thường xuyên cung cấp và cảnh báo DN về rủi ro chính sách, thị trường | e. Hỗ trợ DN phát triển thị trường, khách hàng trên cơ sở thực tế của DN | f. ĐP có chương trình, chính sách hỗ trợ DN ứng phó với thiên tai, dịch bệnh |
| g. Hỗ trợ thực hiện cam kết trong các hợp đồng đầu tư kinh doanh | h. Hỗ trợ tư vấn cho DN về pháp lý, xử lý TTHC, tranh chấp | j. Hỗ trợ tiếp cận công nghệ và chương trình đào tạo liên quan đến công nghệ |
| k. Hỗ trợ đặc thù về tài chính cho lao động nữ của doanh nghiệp | l. Hỗ trợ đào tạo về bình đẳng giới cho doanh nghiệp | m. Địa phương có chương trình chính sách khuyến khích DN tuân thủ và bảo vệ môi trường |
| n. Chưa tham gia hay nhận được bất kỳ hỗ trợ nào của ĐP |  |  |

**VII – THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ**

**34. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan hành chính địa phương làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, Doanh nghiệp có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?** *(Chỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Có biết và đã từng khiếu nại |  | Có biết, nhưng chưa từng khiếu nại |  | Không biết là có cơ chế khiếu nại |
| 🡺 | *(chuyển sang Câu 35)* | 🡺 | *(Vui lòng chuyển sang Câu 36)* | 🡺 | *(Vui lòng chuyển sang Câu 36)* |

**35. Nếu Doanh nghiệp đã từng khiếu nại, xin cho biết ý kiến về các nhận định liên quan đến hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền?** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Khiếu nại được giải quyết thỏa đáng |  |  |  |  |
| 1. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại |  |  |  |  |
| 1. Có cơ chế đảm bảo các quyết định được ban hành theo đúng pháp luật |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp phải khiếu nại vượt cấp |  |  |  |  |

**36. Doanh nghiệp cho biết mức độ đồng tình/ủng hộ với những nhận định dưới đây:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Doanh nghiệp phải bỏ nhiều chi phí thuê, hợp đồng các dịch vụ bảo vệ, an ninh để bảo vệ tài sản của doanh nghiệp |  |  |  |  |
| 1. Cơ quan công an và chính quyền địa phương giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản của doanh nghiệp trên địa bàn |  |  |  |  |
| 1. Cơ quan công an và chính quyền địa phương tạo cảm giác an toàn cho người lao động của doanh nghiệp sinh hoạt và lao động trên địa bàn. |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp phải trả chi phí cho các hoạt động bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức để được yên ổn sản xuất kinh doanh |  |  |  |  |
| 1. Hiện tượng trả chi phí cho các hoạt động bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức để được yên ổn sản xuất kinh doanh trên địa bàn là phổ biến |  |  |  |  |

**37. Đề nghị doanh nghiệp cho biết ý kiến về những nhận định sau về công tác của Toà án cấp huyện/thành phố đối với cộng đồng doanh nghiệp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Tòa án nhân dân cấp huyện/thành phố sơ thẩm các vụ việc, tranh chấp về kinh doanh thương mại khách quan, công bằng |  |  |  |  |
| 1. Tòa án nhân dân cấp huyện/thành phố sơ thẩm các khiếu kiện, hành vi hành chính của cơ quan nhà nước cấp huyện trở xuống minh bạch, công khai, thuyết phục với DN |  |  |  |  |

**VIII – VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

**38. Doanh nghiệp đánh giá các nhận định của công tác điều hành của lãnh đạo chính quyền địa phương *(huyện ủy và UBND)* trong năm 2023?** *(Chỉ chọn MỘT phương án với mỗi nhận định)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá** | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1. Lãnh đạo chính quyền quyết liệt trong điều hành giám sát tuân thủ kỷ luật và nề nếp TTHC |  |  |  |  |
| 1. Lãnh đạo chính quyền lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp |  |  |  |  |
| 1. Lãnh đạo chính quyền có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp |  |  |  |  |
| 1. Lãnh đạo chính quyền giải quyết công bằng những khiếu nại của doanh nghiệp với các cán bộ, bộ phận hành chính |  |  |  |  |
| 1. Lãnh đạo SBN có chủ trương thúc đẩy các hoạt động SXKD có tác động tốt tới môi trường |  |  |  |  |
| 1. Lãnh đạo địa phương chủ trương và chỉ đạo triển khai có hiệu quả vai trò của CNTT trong giải quyết TTHC |  |  |  |  |
| 1. Lãnh đạo địa phương giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn - tiêu cực được doanh nghiệp phản ánh |  |  |  |  |
| 1. Lãnh đạo địa phương tham gia điều hành tham vấn doanh nghiệp và các kết luận, cam kết của lãnh đạo được thực hiện, triển khai đầy đủ |  |  |  |  |
| 1. Chính quyền địa phương cần thay đổi phương thức quản trị, lãnh đạo trong năm 2024 |  |  |  |  |
| 1. Chính quyền địa phương cần thay đổi lãnh đạo mới trong năm 2024 |  |  |  |  |

**IX – NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP**

**39. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với những nhận định dưới đây:**

| **Nhận định/tình huống** | **Chưa nghĩ tới** | **Có kế hoạch thực hiện** | **Mới triển khai thí điểm** | **Đã thực hiện hàng năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Khi gặp các khó khăn, vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh, sau khi xử lý hậu quả DN đã tập trung rà soát và điều chỉnh quy trình hoạt động |  |  |  |  |
| 1. DN đã ban hành và thực thi đánh giá kết quả công việc của cán bộ và bộ phận thông qua hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (Key performance Indicators-KPI) |  |  |  |  |
| 1. DN đã thực hiện, đánh giá thưởng phạt, đào tạo, đề bạt cho cán bộ dựa trên kết quả và hiệu quả công việc |  |  |  |  |
| 1. DN đã triển khai việc thu thập, tổng hợp dữ liệu thị trường, khách hàng, thông tin đầu vào, đầu ra (ví dụ cơ sở dữ liệu khách hàng, nhà cung cấp, nguyên vật liệu, bán hàng) phục vụ các quyết định đầu tư kinh doanh |  |  |  |  |
| 1. DN đã triển khai các biện pháp quản lý rủi ro với các DN đối tác trong chuỗi cung ứng mà DN có thể ảnh hưởng (ví dụ đa dạng hóa nguồn cung, thị trường bán, xuất khẩu, v.v.) |  |  |  |  |
| 1. DN có sử dụng kết quả phân tích các dữ liệu thị trường, đầu vào, đầu ra cho các quyết định đầu tư, kinh doanh |  |  |  |  |
| 1. DN đã thực thi các biện pháp quản lý rủi ro từ thiên tai và các hiện tượng bất thường nhằm đảm bảo kinh doanh bền vững *(mua bảo hiểm, đầu tư, đào tạo tập huấn ngăn ngừa rủi ro)* |  |  |  |  |
| 1. DN chủ động thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh thích nghi với các biến động về chính sách, thiên tai, dịch bệnh. |  |  |  |  |
| 1. DN đầu tư mua sắm thiết bị tin học văn phòng hỗ trợ công tác kinh doanh và quản lý DN |  |  |  |  |
| 1. Chủ động xây dựng các chương trình tập huấn, đào tạo cán bộ ứng phó với rủi ro thiên tai dịch bệnh |  |  |  |  |

**40. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với những nhận định dưới đây:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định/tình huống** | **Chưa nghĩ tới** | **Có kế hoạch thực hiện** | **Mới triển khai thí điểm** | **Đã thực hiện hàng năm** |
| 1. DN có chính sách hỗ trợ tài chính và tư vấn việc làm cho người lao động bị mất việc |  |  |  |  |
| 1. DN đã tiến hành kiểm toán nội bộ và độc lập các vấn đề liên quan đến chính sách trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường |  |  |  |  |
| 1. DN đã công bố, công khai, tập huấn, tuyên truyền các thông tin liên quan đến tầm nhìn, chiến lược, quy tắc đạo đức kinh doanh, kế hoạch và chế độ, nội quy với cán bộ của mình |  |  |  |  |
| 1. DN đã tổ chức các khóa đào tạo cho người lao động về quyền lợi của người lao động (không phân biệt đối xử, thù lao làm ngoài giờ v.v.) và thực thi nghiêm chỉnh các quy định này |  |  |  |  |
| 1. DN đã thực thi chính sách, biện pháp bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, tiết kiệm năng lượng và nước |  |  |  |  |
| 1. DN đóng góp trực tiếp vào các chương trình xã hội và thiện nguyện, nhân đạo tại địa phương |  |  |  |  |

**X – THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

**41. Tên doanh nghiệp/HTX:** …

**42. Mã số doanh nghiệp:** …

**43. Địa chỉ đăng ký của doanh nghiệp/HTX:** …

**44. Địa chỉ trụ sở hoạt động (2023):** ……………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………...

**45. Năm được cấp Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp** *(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*:

**46. Năm bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh**:

**47.a. Số điện thoại**:……………………………… **b. Email**:………………………………………………….

**48. Doanh nghiệp có tham gia Hiệp hội Doanh nghiệp/Hiệp hội ngành nghề tỉnh Ninh Thuận?**

|  |  |
| --- | --- |
| Có | Không *(Vui lòng chuyển tới câu 48.2)* |

Nếu có cho biết tên Hiệp hội/Hội DN**: ……………………………………………………………………**

**48.1. Đề nghị anh/chị cho biết lợi ích của việc tham gia các Hiệp hội trên:**

Chính quyền hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp

Phản ánh được nguyện vọng, ý kiến của doanh nghiệp với chính quyền

Tăng cường kết nối, cơ hội kinh doanh với các doanh nghiệp khác

Tăng cường vị thế, cải thiện chất lượng đối thoại với chính quyền

Không có lợi ích nào cụ thể

**48.2. Từ quan sát của doanh nghiệp, các Hiệp hội doanh nghiệp địa phương có vai trò như thế nào trong xây dựng và thông qua chính sách, quy định của địa phương?**

Vai trò rõ nét Vai trò không đáng kể Không có vai trò gì

**49. Loại hình doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:***(Chỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Doanh nghiệp tư nhân | Công ty TNHH | Công ty cổ phần |
| Công ty hợp danh | Hợp tác xã | Hộ kinh doanh cá thể |

**50. Nguồn vốn chi phối hoạt động doanh nghiệp là:** *(Chọn MỘT phương án)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Của tư nhân trong nước | Nhà đầu tư nước ngoài | Có vốn đầu tư nhà nước |

**51. Lĩnh vực hoạt động chính** *(là lĩnh vực tạo ra doanh thu lớn nhất)* **của doanh nghiệp:***(Chỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |
| --- | --- |
| Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản | Dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ thương mại) |
| Công nghiệp (bao gồm chế tạo và chế biến) | Khai khoáng |
| Xây dựng | Khác: …………………………. |

**52. Sản phẩm hoặc dịch vụ chính mà doanh nghiệp đang sản xuất hoặc cung cấp?**

.

.

**53. Tổng số vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?** *(Chỉ chọn MỘT phương án ở mỗi dòng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Từ 3 tỷ trở xuống** | **Trên 3 tỷ đến 10 tỷ** | **Trên 10 tỷ đến 20 tỷ** | **Trên 20 tỷ đến 50 tỷ** | **Trên 50 tỷ đến 100 tỷ** | **Trên 100 tỷ đến 200 tỷ** | **Trên 200 tỷ trở lên** |
| 1. Tổng số vốn đăng ký vào thời điểm thành lập doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số vốn thực tế đã đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong năm 2023 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm 2023 |  |  |  |  |  |  |  |

**54. Tổng số lao động của doanh nghiệp?** *(Chỉ chọn MỘT phương án ở mỗi dòng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Từ 10 lao động trở xuống** | **Từ 11 đến 50 lao động** | **Từ 51**  **đến 100**  **lao động** | **Từ 101 đến 200 lao động** | **Từ 201 đến 300 lao động** | **Từ 301 lao động trở lên** |
| 1. Vào thời điểm thành lập DN |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số lao động đã tuyển dụng tính đến thời điểm thành lập đến nay |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số lao động đã tuyển dụng tại địa bàn tỉnh Ninh Thuận tính từ thời điểm thành lập đến nay |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp tính đến thời điểm tham gia khảo sát năm 2023 |  |  |  |  |  |  |

**55. Tình hình hoạt động trong năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022?** *(Chỉ chọn MỘT phương án ở mỗi dòng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Giảm** | **Giảm chút ít** | **Duy trì so với cùng kỳ** | **Tăng chút ít** | **Tăng** |
| 1. Doanh thu |  |  |  |  |  |
| 1. Lợi nhuận |  |  |  |  |  |
| 1. Số lượng lao động |  |  |  |  |  |
| 1. Số lượng khách hàng mới |  |  |  |  |  |
| 1. Đầu tư/áp dụng công nghệ thông tin |  |  |  |  |  |
| 1. Số lượng sản phẩm/dịch vụ mới trong năm 2023 |  |  |  |  |  |
| 1. Số lượng sáng kiến cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh năm 2023 |  |  |  |  |  |
| 1. Dự kiến quy mô kinh doanh trong năm 2024 |  |  |  |  |  |

**56. Bằng cấp cao nhất đạt được của lãnh đạo doanh nghiệp** *(Lãnh đạo doanh nghiệp là người đại diện pháp lý của Doanh nghiệp hoặc Chủ hộ kinh doanh/Chủ nhiệm hợp tác xã) (Chỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trung học cơ sở | Trung học phổ thông |  |
| Trung cấp | Cao đẳng/Đại học | Trên đại học |

**57. Doanh nghiệp có góp ý/đề xuất gì nhằm cải thiện năng lực điều hành của SBN và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn (*có thể ghi bổ sung vào văn bản riêng đính kèm phiếu khảo sát gửi về tổ công tác*)?**

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát: ……/……/2023

**Chức vụ/vị trí người trả lời:** ………………………………………………………………………………

**Email:** ……………………………………………………………………………………………………….

**Số điện thoại liên hệ:** ………………………………………………………………………………………

*(Trong trường hợp nhiều cán bộ trả lời bảng hỏi này, đề nghị điền thông tin cán bộ chức vụ cao nhất.)*

*Chúng tôi cam kết thông tin Anh/Chị cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối. Đóng góp ý kiến của Anh/Chị đã và đang góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh Ninh Thuận xây dựng địa phương thành nơi đáng sống và làm việc cho mọi công dân.*

***Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã tham gia khảo sát!***